TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2019
V/v "Ly hôn giữa bà Phạm Thị L và ông Đinh Văn T"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Trúc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Thành Tiết

Bà Trần Thị Thúy Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1965 (có mặt).

Nơi ĐKHTTT: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Chỗ ở hiện nay: ấp O, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Bị đơn: Ông Đinh Văn T, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 7 năm 2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Phạm Thị L trình bày: Bà và ông T chung sống với nhau vào ngày 29 tháng 11 năm 1987 âm lịch (vào khoảng đầu năm 1988 dương lịch) không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Đinh Thị Hồng Phúc, sinh năm 1988 và Đinh Thanh Nguyên, sinh năm 1998, hiện hai con đã

trưởng thành. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, không có sự quan tâm chăm lo cho nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2019 cho đến nay.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L yêu cầu ly hôn với ông Đinh Văn T.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà L khai bà và ông T không có nợ ai.

Ông Đinh Văn T là bị đơn trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian chung sống, ông và bà L chung sống với nhau vào ngày 29 tháng 11 năm 1987 âm lịch, và không có đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống có 02 con chung tên Đinh Thị Hồng Phúc, sinh năm 1988 và Đinh Thanh Nguyên, sinh năm 1998, hiện các con đã trưởng thành. Ông T cũng thống nhất với nguyên nhân mâu thuẫn, thời điểm không còn chung sống như lời trình bày của bà L.

Về quan hệ hôn nhân: Ông T nhận thấy vẫn còn tình cảm với bà L nên mong muốn được đoàn tụ.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông có yêu cầu như sau:

Về con chung: Các con chung tên Đinh Thị Hồng Phúc, sinh năm 1988 và Đinh Thanh Nguyên, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T khai ông và bà L không có nợ ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 35, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Tuyên bố không công nhận bà Phạm Thị L và ông Đinh Văn T là vợ chồng;

Về con chung: do các con chung của bà L và ông T đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết; Về chia tài sản: bà L và ông T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về nợ chung: không có nên không xem xét.

Về án phí : Buộc bà L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Đinh Văn T. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà L cho rằng bà và ông T mâu thuẩn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, mâu thuẫn trầm trọng, không có sự quan tâm chăm lo cho nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã không còn chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2019 cho đến nay. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Văn T. Đồng thời tại phiên tòa hôm nay ông T cũng xác định tình cảm vợ chồng đã không còn, ông cũng đồng ý ly hôn với bà L. Do bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng vào ngày 29 tháng 11 năm 1987 âm lịch, mà không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng, do đó Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà L và ông T được mà áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

[3] Về con chung: Bà L và ông T thống nhất các con chung tên Đinh Thị Hồng Phúc, sinh năm 1988 và Đinh Thanh Nguyên, sinh năm 1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà L và ông T khai ông và bà không có nợ ai cũng như không ai nợ ông bà nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc bà Phạm Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147 khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không công nhận bà Phạm Thị L và ông Đinh Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Do các con chung đã trưởng thành nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản: Bà L và ông T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà L và ông T khai không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc bà Phạm Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004070 ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, bà L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị L, ông Đinh Văn T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xử lại theo trình tự phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Trúc Linh